|  |  |
| --- | --- |
| TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KR ÔNG PA  **KHOA DƯỢC-TTB-VTYT** |  |

**THÔNG TIN THUỐC NGÀY 24/10/2023**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **TÊN THUỐC** | **TÊN HOẠT CHẤT, THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT** | **NỒNG ĐỘ - HÀM LƯỢNG** | **DẠNG BÀO CHẾ** | **Cách dùng-CĐ-CCĐ** |
| **1** | **SUNIGAM 100** | **Acid tiaprofenic 100 mg** | **100mg** | **Viên nén** | ***Chỉ định:***  Ðiều trị dài hạn các triệu chứng trong:  Viêm thấp khớp mạn tính, nhất là viêm đa khớp dạng thấp.  Bệnh thoái khớp gây đau và mất khả năng làm việc.  Ðiều trị triệu chứng ngắn hạn các cơn đau cấp tính của:  Bệnh thoái khớp.  Ðau thắt lưng, đau rễ thần kinh nặng.  *Chấn thương:* gãy xương, dập, bong gân, hậu phẫu.  Ðiều trị triệu chứng đau trong các trường hợp viêm tai mũi họng và răng miệng. Trong chỉ định này, phải cân nhắc giữa lợi ích và nguy cơ, đặc biệt là nguy cơ lan rộng của sự nhiễm trùng kết hợp.  ***Liều lượng - Cách dùng:***  Dùng cho người lớn và trẻ em trên 3 tuổi.  Uống thuốc với nhiều nước hoặc hòa tan thuốc trong một ly nước lớn. Uống trong các bữa ăn. Thời gian điều trị từ 5 đến 10 ngày.  ***Người lớn:***  Liều tấn công: 2 viên, 3 lần/ngày.  Liều duy trì: tính từ ngày thứ tư: 3-4 viên/ngày.  ***Trẻ em trên 3 tuổi:***  10mg/kg/ngày, chia làm 3-4 lần.  Thường điều trị từ 5-10 ngày tối đa.  ***Chống chỉ định:***  Quá mẫn với acide tiaprofénique, kháng viêm không steroid, aspirine.  Tiền sử bệnh suyễn dù do hoặc không do aspirine hoặc những thuốc kháng viêm không steroid gây ra.  *+ Loét dạ dày tá tràng đang tiến triển hoặc tiền căn loét dạ dày tá tràng.*  *+ Suy gan hay suy thận nặng.*  *+ Phụ nữ mang thai.*  *+ Trẻ em dưới 3 tuổi.* |
| **2** | **BISNOL** | **Bismuth oxyd (dưới dạng Tripotassium dicitrato Bismuthat (TDB)) 120mg** | **120mg** | **Viên nén bao phim** | ***Chỉ định:***  Loét dạ dày và tá tràng: thường dùng kèm với các thuốc khác, nhất là *Metronidazol* kèm với *Tetracylin hoặc Amoxicilin*(Phác đồ tam trị liệu), để diệt hết Helicobacter pylori và do đó ngăn ngừa tái phát loét tá tràng.  ***Liều lượng - Cách dùng***  Người lớn: 1 viên x 4 lần/ngày, uống 30 phút trước mỗi bữa ăn & 2 giờ sau khi bữa ăn cuối trong ngày hoặc 2 viên x 2 lần/ngày uống 30 phút trước mỗi bữa ăn sáng & 30 phút trước bữa ăn tối. Chỉnh liều theo tuổi và triệu chứng bệnh.  ***Chống chỉ định:***  Trẻ em, phụ nữ có thai & cho con bú,bệnh nhân bị bệnh thận nặng.  **Tác dụng phụ:**  Buồn nôn, nôn, tiêu chảy. |
| **3** | **Lufogel** | **Dioctahedral smectite 3g trong gói 20ml** | **3g trong gói20ml** | **Hỗn dịch uống** | ***Chỉ định:***  - Tiêu chảy cấp và mãn tính ở trẻ con và người lớn.  - Ðiều trị triệu chứng đau của bệnh thực quản-dạ dày-tá tràng và đại tràng.  ***Liều lượng - Cách dùng***  ***- Trẻ con:***  + Dưới 1 tuổi: 1 gói/ngày.  + 1 đến 2 tuổi: 1 - 2 gói/ngày.  + Trên 2 tuổi: 2 - 3 gói/ngày.  ***- Người lớn:*** Trung bình 3 gói/ngày. Thông thường nếu tiêu chảy cấp tính, liều lượng có thể tăng gấp đôi khi khởi đầu điều trị.  ***Chống chỉ định:***  Quá mẫn với thành phần của thuốc.  ***Tác dụng phụ:***  Có thể gây ra hoặc làm tăng táo bón nhưng rất hiếm.  ***Chú ý đề phòng:***  Phải bù nước nếu cần (bằng đường uống hoặc tiêm tĩnh mạch) tùy theo tuổi, cơ địa bệnh nhân và mức độ mất nước do tiêu chảy. |

***Khoa Dư*ợc TTB VTYT xin thông báo đến các khoa được biết và sử dụng cho bệnh nhân.**

***Trân trọng thông báo!***